

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**Số: 02/2009/TTLT/BTC-**  
**BVHTTDL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**Hà Nội, ngày 12 tháng 1 năm 2009**

## **THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**

### **Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ,

Liên tịch Bộ Tài chính – Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao tổ chức tại Việt Nam như sau:

### **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **1. Phạm vi áp dụng:**

Thông tư này quy định chế độ chi tiêu tài chính áp dụng cho các giải thi đấu thể thao trong nước và các giải thi đấu thể thao quốc tế chính thức tổ chức tại Việt Nam được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của ngành thể dục thể thao quyết định (trừ các giải thi đấu bóng đá thuộc hệ thống giải thi đấu của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam), sau đây gọi tắt là giải thi đấu thể thao bao gồm:

##### **1.1- Các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia:**

- Đại hội thể dục thể thao toàn quốc;
- Giải thi đấu thể thao từng môn thể thao toàn quốc;
- Hội thi thể thao quần chúng toàn quốc;
- Giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật toàn quốc;

##### **1.2- Các giải thi đấu cấp khu vực, tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương:**

- Đại hội thể dục thể thao;
- Giải thi đấu thể thao của từng môn thể thao;
- Hội thi thể thao quần chúng;
- Giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật.

##### **1.3- Giải thi đấu thể thao quốc tế chính thức tổ chức tại Việt Nam (trừ các Đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới).**

Ngoài các giải thi đấu thể thao trên, những hội thi thể thao, giải thể thao khác do Bộ, ngành, địa phương tổ chức sẽ căn cứ vào Thông tư này để quy định mức chi cụ thể cho phù hợp với tình hình thực tế của Bộ, ngành, địa phương.

## 2. Đối tượng áp dụng:

- a) Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức và các Tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao;
- b) Thành viên Ban tổ chức và các Tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu;
- c) Trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu;
- d) Vận động viên, huấn luyện viên;
- e) Công an, y tế, bảo vệ, nhân viên phục vụ tại các điểm thi đấu.

## II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### 1. Nội dung chi:

- Chi tiền ăn, chi tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên;
- Chi tiền tàu xe đi về, tiền thuê chỗ ở (nếu có) cho các đối tượng quy định tại điểm 2 phần I Thông tư này.
- Chi tiền ăn, chi bồi dưỡng làm nhiệm vụ cho thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài và giám sát;
- Chi bồi dưỡng cho cán bộ, nhân viên y tế, công an, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ và nhân viên phục vụ khác;
- Chi thuê địa điểm, tiền điện, nước tại địa điểm thi đấu;
- Chi đi lại, thuê phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị phục vụ công tác tổ chức giải;
- Chi tổ chức lễ khai mạc, trang trí, tuyên truyền, bể mạc, họp Ban tổ chức, tập huấn trọng tài, họp báo;
- Chi in vé, giấy mời, biên bản, báo cáo kết quả thi đấu;
- Chi làm huy chương, cờ, cúp;
- Các khoản chi khác có liên quan đến việc tổ chức giải.

### 2. Mức chi:

#### 2.1 Đối với các giải thi đấu thể thao trong nước:

##### 2.1.1 Chi tiền ăn:

- a) Tiền ăn trong quá trình tổ chức giải cho các đối tượng được quy định tại điểm a, b, c mục 2 phần I Thông tư này (bao gồm cả thời gian tối đa 2 ngày trước làm công tác chuẩn bị tập huấn trọng tài và 1 ngày sau thi đấu) như sau:
  - Đối với các giải thi đấu cấp quốc gia (kể cả chính thức và mở rộng): Không quá 60.000đồng/người/ngày
  - Đối với các giải thi đấu cấp khu vực và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Từ 25.000đồng/người/ngày đến 50.000 đồng/người/ngày

- Đối với các đối tượng thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được đảm bảo chế độ chi tiền ăn trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao sẽ không được thanh toán phụ cấp tiền lưu trú công tác phí theo quy định tại chế độ công tác phí hiện hành trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao.

b) Tiền ăn của vận động viên, huấn luyện viên thực hiện theo Thông tư liên tịch số 127/2008/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 24/12/2008 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao.

2.1.2 Tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ thực tế từng ngày, buổi, hoặc trận (đối với các môn Bóng chuyền, Bóng ném, Bóng rổ, Bóng nước, Cầu mây, Quần vợt):

Tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ được tính theo ngày làm việc thực tế, hoặc theo buổi thi đấu, trận đấu thực tế. Đối với các đối tượng mà tiền bồi dưỡng không tính được theo ngày làm việc mà tính theo buổi thi đấu, hoặc trận đấu, thì mức thanh toán tiền bồi dưỡng được tính theo thực tế, nhưng tối đa không được vượt quá 3 buổi hoặc 3 trận đấu/người/ngày

a) Đối với các giải thi đấu cấp quốc gia (kể cả chính thức và mở rộng):

- Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Trưởng, Phó các tiểu ban chuyên môn 100.000 đồng/người/ngày

- Thành viên các tiểu ban chuyên môn: 80.000đ/người/ngày

- Giám sát, trọng tài chính: 70.000 đồng/người/buổi

- Thư ký, trọng tài khác: 50.000 đồng/người/buổi

- Công an, y tế: 40.000 đồng/người/buổi

- Lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên, phục vụ: 35.000 đồng/người/buổi

b) Đối với các giải thi đấu cấp khu vực và tỉnh, thành phố trực thuộc TW:

- Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức; Trưởng, phó các Tiểu ban chuyên môn: 35.000- 65.000 đồng/người/ngày

- Thành viên các tiểu ban chuyên môn: 25.000 - 50.000 đồng/người/ngày

- Giám sát, trọng tài chính: 35.000 - 50.000 đồng/người/buổi

- Thư ký, trọng tài khác: 25.000 - 40.000 đồng/người/buổi

- Bộ phận y tế: 20.000 - 35.000 đồng/người/buổi

- Lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ: 15.000 – 30.000 đồng/người/buổi.

2.1.3. Mức chi tổ chức đồng diễn, diễu hành đối với các Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, Hội thi thể thao toàn quốc và cấp tỉnh như sau:

a) Chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn: thanh toán theo hợp đồng kinh tế giữa Ban tổ chức với các tổ chức hoặc cá nhân, mức chi căn cứ Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11/6/2002 của Chính phủ quy định chế độ nhuận bút và Thông tư liên tịch số 21/2003/TTLT-VHTT-BTC ngày 01/7/2003 của Bộ Văn hoá Thông tin và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chi trả chế độ nhuận bút, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút cho một số tác phẩm được quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP.